

**CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN SÔNG HẬU 1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 633 /NMĐSH1-TM

Cần Thơ, ngày 27 tháng 3 năm 2026

V/v cung cấp báo giá "Mua sắm vật tư phục vụ công tác sửa chữa vòi đốt than Lò hơi Tổ máy S1 & S2"

Kính gửi: Các Nhà Cung Cấp

Chi nhánh Phát điện Dầu khí/Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 đang có nhu cầu mua sắm hàng hoá phục vụ công tác vận hành, sửa chữa hệ thống thiết bị tại Nhà máy. Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 kính đề nghị Quý Công ty quan tâm, nghiên cứu và cung cấp báo giá với nội dung như sau:

1. Phạm vi công việc: chi tiết như phụ lục đính kèm.
2. Tiến độ cung cấp: Trước 31/07/2026
3. Địa điểm giao hàng: Kho vật tư, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, Ấp Phú Xuân, Xã Châu Thành, Thành phố Cần Thơ.
4. Hiệu lực báo giá: 90 ngày kể từ ngày báo giá.
5. Thời gian gửi báo giá: trước 16h00 ngày 10/04/2026.
6. Phương thức gửi báo giá: yêu cầu các đơn vị gửi báo giá (file scan, có ký tên đóng dấu đỏ của Công ty) qua email theo địa chỉ dưới đây.
7. Thông tin liên hệ:

Người nhận: *Bùi Thị Vân Anh, Phòng Thương Mại - NMNĐ Sông Hậu 1*

Địa chỉ: *ấp Phú Xuân, Xã Châu Thành, Thành phố Cần Thơ*

Email: *giangtth@pvpgb.vn; haipdm@pvpgb.vn; hunglt@pvpgb.vn; anhbtv@pvpgb.vn; nhanbaogia.hn@pvpgb.vn.*

Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD NMĐSH1 (để b/c);
- Lưu: VT, TM (BTVA).

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMNĐ SÔNG HẬU 1
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lương Khánh Duy

Phụ lục : DANH MỤC HÀNG HÓA

(Đính kèm công văn số 633/NMĐSH1-TM, ngày 25/3/2026)

Stt	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật/ Yêu cầu kỹ thuật	Nhà sản xuất, xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Carrier Air Tube Support Ass'y	12T x 170mm x 220mm Material: SUS310	Tương đương	Cái	100	
2	Cove Ring for 'Carrier Air Tube Support Ass'y	ID20 x OD30 x 210L Material: Ceramic	Tương đương	Cái	100	Chi tiết như bản vẽ đính kèm
3	CA Pipe	6" x 500L (SCH40) Material: A106B	Tương đương	Cái	35	
4	CA Protection Tube	8" x 300L (SCH20) Material: A106B	Tương đương	Cái	18	

5	Oil Gun Guide Pipe	3" x 300L (SCH10) Material: A106B	Tương đương	Cái	14	
6	Igniter Guide Pipe	1-1/4" x 300L (SCH10) Material: A106B	Tương đương	Cái	22	
7	Gasket for Flame Scanner Guide Pipe Flange	Material: Graphite (JIC 4201-B or EQ) 116(I/D) x 164(O/D) x 3T PCD: 145mm; 8 - Ø10 holes	Tương đương	Cái	77	
8	Gasket for Obs	Material: Graphite (JIC 4201-B or EQ) 112(I/D) x 150(O/D) x 3T PCD: 126mm; 8 - Ø10 holes	Tương đương	Cái	100	
9	Gasket for CA Tube	Material: Graphite (JIC 4201-B or EQ) 152(I/D) x 250(O/D) x 3T PCD: 220mm; 12 - Ø14 holes	Tương đương	Cái	100	
10	Gasket for CA Duct Damper Inlet	Material: Graphite (JIC 4201-B or EQ) 178(I/D) x 279.4(O/D) x 3T PCD: 241.3mm; 8 - Ø22 holes	Tương đương	Cái	100	

ml

11	Ceramic Fiber Blanket	Temperature: 1430°C Grade: HZ Density: 128 kg/m ³ Size: 3600x610x50mm	Tương đương	Cuộn	50	
12	O-RING	2.4Tx13.8 ID (P14) Material: FFPM	Tương đương	Cái	50	

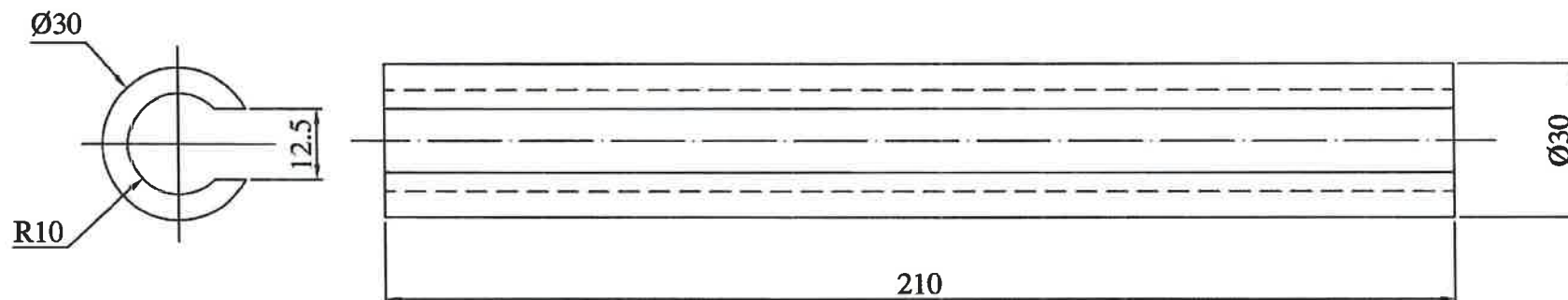
Yêu cầu khác:

- Cung cấp CO do cơ quan có thẩm quyền nước sản xuất/nước xuất khẩu cấp hoặc nhà sản xuất/văn phòng đại diện nhà sản xuất cấp, CQ/COA do nhà sản xuất/văn phòng đại diện nhà sản xuất cấp hoặc tài liệu có tính chất tương tự;
- Bảo hành: 365 ngày kể từ ngày hàng hóa được đưa vào lắp đặt/sử dụng nhưng không dài hơn 550 ngày kể từ ngày được nghiệm thu, bàn giao hàng hóa.

***Lưu ý: Để thuận tiện và thống nhất trong quá trình xem xét đánh giá bảng chào giá, đề nghị nhà cung cấp áp dụng mức thuế suất GTGT là 10% cho tất cả các hàng hóa.**

mlh

MARK	REVISION	NAME	DATE
⚠			



4				P.O. No:	DATE:
3				CUSTOMER:	
2				ECPT MAKE	
1				TYPE	API PLAN: -
REV	DCR No	DATE	SIGN	ECPT No.	COOLING PLAN
SCALE: N.T.S		RECOMMENDED SPARES		FLUSHING RATE	
		ALL DIMNS ARE IN mm		OPERATING CONDITIONS	



1	ID20 x OD30 x 210L	100	CERAMIC
NO	DESCRIPTION	Q'TY	MATERIAL
REF .DAG	No 2		APPD
			DATE:
			CHKD
			DATE:
TITLE			DRAW:
Coal Burner			DATE:
Cove Ring DWG			